

Bản án số: 190/2020/DS-PT

Ngày: 17-12 - 2020

*V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng và ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2020/TLPT ngày 06/10/2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Anh Nguyễn Minh Ch, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

- Bà Đinh Thị Lan Th, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố P, thị trấn L, huyện N, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Trần Thiết H, sinh năm 1960, địa chỉ: Số nhà 82, đường Lý Tự Trọng, Khu phố P, thị trấn L, huyện N, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Bị đơn:

- Ông Huỳnh Hảo H, sinh năm: 1961 (có mặt)

- Bà Phạm Kim Đ, sinh năm: 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 13, Khu phố Th, Thị trấn L, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Phạm Kim Đ là Ông Huỳnh Hảo H , sinh năm: 1961

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện N

Địa chỉ: Khu phố Th, Thị trấn L, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Th – Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện N (xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn Anh Nguyễn Minh Ch , Bà Đinh Thị Lan Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2001 đến năm 2005, hộ gia đình ông Nguyễn Văn H gồm: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 là chủ hộ, các thành viên gồm Bà Đinh Thị Lan Th, sinh năm 1966 là vợ ông H và Anh Nguyễn Minh Ch, sinh năm 1988 là con của ông H và bà Th.

Vào năm 2001, Bà Đinh Thị Lan Th nộp đơn ly hôn đối với ông Nguyễn Văn H. Đến ngày 30/8/2001, Tòa án nhân dân huyện N ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 47/QĐTTLH. Ông Nguyễn Văn H đã chết vào năm 2006.

Hộ gia đình ông H có tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 138,1m² tọa lạc Ấp 1B (nay là Khu phố Ninh Thạnh), Thị trấn Lộc Ninh, huyện N, tỉnh Bình Phước, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 154/QSĐĐ/037/2002/QĐ-UB (H) ngày 10/11/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H. Nguồn gốc thửa đất là do ông Nguyễn Văn H và Bà Đinh Thị Lan Th nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Bích H vào năm 2000. Khi ly hôn, giữa bà Th và ông H chưa thỏa thuận phân chia tài sản này.

Đến năm 2019 thì bà Th và anh Ch được biết thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02022 ngày 05/10/2015.

Việc ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ là không đúng, bởi vì:

+ Nguồn gốc phần đất trên là của gia đình Ông Nguyễn Văn H do ông Nguyễn Văn H mua lại của bà Trần Thị Bích H vào năm 2000. Đây là tài sản chung của hộ gia đình, của vợ chồng và chưa được phân chia. Vì vậy, ông H không có quyền tự mình định đoạt tài sản chung.

+ Kết luận giám định chữ ký trong Giấy sang nhượng đất đề ngày 22/3/2004 là của ông Nguyễn Văn H là chưa đủ cơ sở.

+ Việc chuyển nhượng phần đất trên không được ký kết hợp đồng theo đúng như quy định của pháp luật.

+ Sau khi ông H chết thì ông Hiệp mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thông báo cho bà Th, anh Ch được biết và không niêm yết các thủ tục cấp đất tại nơi có đất và Ủy ban nhân dân tại nơi có đất.

Nay anh Ch và bà Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết như sau:

+ Tuyên vô hiệu giấy tay sang nhượng đất đề ngày 22/3/2004. Buộc Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại diện tích đất 138,1m² tọa lạc Khu phố Th, Thị trấn L, huyện N, tỉnh Bình Phước (Phần đất nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02022, do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 05/10/2015 mang tên Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ).

+ Yêu cầu Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02022, do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 05/10/2015 mang tên Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Bà Phạm Kim Đ – Ông Huỳnh Hảo H trình bày:

Nguồn gốc phần đất trên là do ông Nguyễn Văn H mua lại của bà Trần Thị Bích H vào năm 2002. Đến năm 2004 thì ông H chuyển nhượng lại cho ông. Đến năm 2006 thì ông có tìm ông H để làm thủ tục sang tên, nhưng ông H không còn ở địa phương. Ông có liên hệ Công an thị trấn Lộc Ninh thì Công an xác nhận ông H đã đi khỏi địa phương, không biết đi đâu vì ông H không có đơn xin tạm vắng. Đến năm 2015 thì ông liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên vì:

+ Ông nhận chuyển nhượng đất trên của ông Nguyễn Văn H vào ngày 22/3/2004, trước khi mua thì ông biết ông Nguyễn Văn H và Đinh Thị Lan Th đã ly hôn và có quyết định của Tòa án. Do đó bà Th không có quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất trên.

+ Chữ ký trong giấy sang nhượng đất là của ông Nguyễn Văn H. Ông đề nghị Tòa án xác minh, đối chiếu để làm rõ.

+ Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông và bà Đinh thì Cơ quan chuyên môn đã làm đúng theo trình tự, thủ tục mà pháp luật đất đai đã quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người làm chứng – bà Trần Thị Bích H trình bày:

Bà có bán đất cho gia đình ông H vào ngày 12/9/2000, đất hiện nay thuộc Khu phố Th, Thị trấn L, huyện N, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất chuyển nhượng ngang 5m, chiều dài hết đất. Giá chuyển nhượng là 45.000.000 triệu đồng. Khi chuyển nhượng có viết giấy tay (như giấy tay đề ngày 12/9/2000 - bản photo mà Thẩm phán đã cho xem). Khi viết giấy tay này có sự chứng kiến của ông H, bà Th và một người con của ông H, bà Th. Sau đó, để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận

thì bà và ông H có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 13/6/2002 và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận vào ngày 13/6/2002, ngày 19/7/2002 và ngày 22/7/2002. Bà xác định giấy có dòng chữ đầu tiên “Tôi là Trần Thị Bích Hợi” đề ngày 12/9/2000 chỉ có một mình bà ký vào là do bà đã nhận đủ tiền mua đất và do ông H bảo bà viết để xác nhận là có bán đất cho ông H nên ông H không có ký.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy sang nhượng đất đề ngày 22/3/2004) được ký kết giữa Ông Huỳnh Hảo H và ông Nguyễn Văn H .

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại diện tích đất 138,1m² tọa lạc Khu phố Th, Thị trấn L, huyện N, tỉnh Bình Phước (Phần đất nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02022, do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 05/10/2015 mang tên Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02022, do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 05/10/2015 mang tên Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ .

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/8/2020, nguyên đơn Anh Nguyễn Minh Ch, Bà Đinh Thị Lan Th có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu khởi kiện:

Đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất - Giấy sang nhượng đất lập ngày 22/3/2004 (chứ không phải tuyên HĐCNQSDĐ ngày 22/3/2004 vô hiệu) giữa ông H và ông Hiệp; buộc ông H bà Đ trả lại cho bà Th anh Ch diện tích đất 138,1m² và đề nghị Tòa án kiến nghị UBND huyện N thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H bà Đ

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về đề nghị giám định bổ sung: Ngày 26/10/2020, nguyên đơn bà Th có đơn đề nghị giám định lại đối với chữ ký của ông H trong Giấy tay sang nhượng đất với ông Hiệp lập ngày 22/3/2004. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút đề nghị này, không yêu cầu cấp phúc thẩm giám định lại nữa do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ pháp luật: Lý do để các nguyên đơn khởi kiện là vì các nguyên đơn cho rằng diện tích đất 138,1m² là tài sản chung của bà Th và ông H nên bên cạnh các yêu cầu khởi kiện khác nguyên đơn còn có yêu cầu buộc ông H bà Đ phải trả lại diện tích đất này. Do đó, ngoài các quan hệ pháp luật mà Tòa sơ thẩm xác định còn có quan hệ “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, tuy nhiên Tòa sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ*” là chưa đầy đủ, nên Tòa phúc thẩm thấy cần bổ sung quan hệ pháp luật của vụ án cho phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn Anh Nguyễn Minh Ch , Bà Đinh Thị Lan Th , thấy:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thừa nhận: Trước đây, bà Th và ông H là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 47/QĐTTLH ngày 30/8/2001 của Tòa án nhân dân huyện N; nguồn gốc thửa đất có diện tích 138,1m² tọa lạc ấp 1B (nay là khu phố Ninh Thạnh), thị trấn Lộc Ninh, huyện N, tỉnh Bình Phước, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 154/QSDĐ/037/2002/QĐ-UB (H) ngày 10/11/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H là đất ông H nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Bích H theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/6/2002, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Ninh vào ngày 13/6/2002, có xác nhận của Cơ quan địa chính cấp huyện ngày 19/7/2002 và xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện N vào ngày 22/7/2002. Do các đương sự đều thừa nhận nên các tình tiết trên được coi là sự thật, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét trình bày của phía nguyên đơn về việc nguyên đơn cho rằng diện tích đất 138,1m² trên là tài sản chung của hộ gia đình bà Th, ông H và anh Chiến, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù, sau khi ly hôn bà Th, ông H và anh Chvẫn chung một hộ khẩu gia đình, tuy nhiên căn cứ vào xác nhận của Đội quản lý thị trường số 5 huyện N và trình bày của phía nguyên đơn thì sau khi ly hôn ông H chuyển đến tạm trú tại nơi công tác của ông là Đội Quản lý thị trường số 5. Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và bà Trần Thị Bích H lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Ninh thể hiện ông H nhận chuyển nhượng diện tích đất 138,1m² từ bà H vào ngày 13/6/2002 là sau khi bà Th và ông H đã ly hôn gần 01 năm. Theo hồ sơ vụ án ly hôn giữa bà Th, ông H thể hiện thì tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải ngày 14/8/2001 cả bà Th và ông H đều trình bày hai bên có tài sản chung là một căn nhà diện tích 87m² tọa lạc trên diện tích đất 87m² tại ấp 2A thị trấn Lộc Ninh cùng các vật dụng hiện có trong nhà, 01 chiếc xe ô tô 04 chỗ hiệu TOYOTA. Tại Quyết định ly hôn bà Th và ông H đã thỏa thuận phân chia bà Th nhận nhà và đất, ông H nhận chiếc xe, bà Th có trách nhiệm thanh toán cho ông H số tiền chênh lệch là 100 triệu trong 03 đợt (tháng 8/2001 giao 10 triệu, tháng 02/2002 giao 40 triệu và tháng 8/2002 giao 50 triệu). Như vậy, mặc dù các bên còn chung hộ khẩu gia đình nhưng bà Th và anh Chkhông chứng minh được mình có đóng góp vào việc tạo dựng tài sản này nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định diện tích đất 138,1m² tranh chấp là do ông H nhận chuyển nhượng sau khi đã ly hôn và là tài sản của cá nhân ông H.

Về trình bày của bà Th, anh Ch và người làm chứng bà Trần Thị Bích H về việc những người này cho rằng đất là do bà H chuyển nhượng cho bà Th ông H từ năm 2000. Xét thấy, phía nguyên đơn và bà H cung cấp chứng cứ là một giấy biên nhận do bà H viết đề ngày 12/9/2000 (BL 68) có nội dung “*Tôi Trần Thị Bích Hợicó bán cho ông Nguyễn Văn H và Bà Đình Thị Lan Th ...một miếng đất ngang 05m sâu 27m số tiền (là 45 triệu)...*”. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy sang nhượng trên chỉ có một mình bà H ký, không có cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xác nhận, hiện ông H đã chết nên không đủ cơ sở khẳng định Giấy này được lập vào thời điểm ngày 12/9/2000. Do đó, việc phía nguyên đơn và bà H cho rằng đất do bà Th ông H nhận chuyển nhượng từ năm 2000 là không có cơ sở.

Về thủ tục đăng ký cấp quyền sử dụng đất của ông H bà Đ, thấy rằng: ngày 22/3/2004 ông H viết giấy tay sang nhượng lại đất cho bà Định. Do năm 2006 ông H tai nạn chết, theo sự thừa nhận của chính phía nguyên đơn thì khoảng năm 2005 ông H nghỉ việc, về tỉnh Đồng Nai sinh sống và chết năm 2006 tại Đồng Nai nên việc chính quyền địa phương tại thị trấn Lộc Ninh xác định ông H đi khỏi địa phương là có cơ sở và việc Cơ quan chuyên môn làm các thủ tục thông báo công khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H bà Đ là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Riêng đối với việc diện tích đất sau khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H bà Đ có tăng 12,7m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 154/QSDĐ/037/2002/QĐ-UB (H) ngày 10/11/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H là do cộng hành lang đường bộ và sai số giữa hai lần đo đạc, còn hình thể thì không thay đổi nên tổng diện tích là 150,8m² thì đã có xác

nhận của cơ quan chuyên môn cho biết chênh lệch trên là do sai số khi đo đạc còn mốc giới vẫn không thay đổi, các đương sự cũng không ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, xét thấy tại GCNQSDĐ cấp ngày 16/7/2001 của bà H có thể hiện trên phần vẽ hình thể thửa đất có chú thích vị trí phần diện tích đất 138,1m² bà H đã chuyển nhượng cho ông H vào ngày 13/6/2002. Nội dung này đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N xác nhận tại Công văn số 655/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 07/12/2020: “*Nội dung chú thích: “Phần chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H diện tích 138,1m², đất SX.Nông nghiệp” thể hiện trên GCNQSDĐ cấp ngày 16/7/2001 cho bà Trần Thị Bích H số 842/QSDĐ/UB được xác nhận vào cùng với thời điểm cấp GCNQSDĐ số 139/QSDĐ/QĐ-UB ngày 21/8/2002 cho hộ ông H. Việc xác nhận trên GCNQSDĐ đã cấp ngày 16/7/2001 cho bà H được thực hiện khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ số 139/QSDĐ/QĐ-UB ngày 21/8/2002 cho hộ ông H là đúng quy định của pháp luật*”. Do đó, cũng không có căn cứ xác định ông H nhận chuyển nhượng đất trước khi ông và bà Th ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Kháng cáo của các nguyên đơn không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa một phần bản án Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N về phần quan hệ pháp luật, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ*”.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Anh Nguyễn Minh Ch, Bà Đinh Thị Lan Th .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước về các vấn đề khác, cụ thể;

- Áp dụng khoản 3, khoản 9 Điều 26; Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 705, 706 và 707 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 697 và 698 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 4 Điều 50 và Điều 105 của Luật đất đai năm 2003; Khoản 29 Điều 3, Điều 166 và Điều 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy sang nhượng đất đề ngày 22/3/2004) được ký kết giữa Ông Huỳnh Hảo H và ông Nguyễn Văn H .

+ Không chấp nhận yêu cầu buộc Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại diện tích đất 138,1m² tọa lạc Khu phố Th, Thị trấn L, huyện N, tỉnh Bình Phước (Phần đất nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02022, do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 05/10/2015 mang tên Ông Huỳnh Hảo H và bà Phạm Kim Đ).

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02022, do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 05/10/2015 mang tên Ông Huỳnh Hảo H và Bà Phạm Kim Đ .

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Minh Ch , Bà Đinh Thị Lan Th phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001220 ngày 13/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bình Phước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Thị Quý Chi